

# CỘI NGUỒN LỊCH SỬ VÀ Ý NGHĨA VĂN HÓA CỦA HỘI HỌA TRUYỀN THỐNG TRUNG HOA

Nguyễn Anh Thục\*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,  
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 17 tháng 02 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 05 tháng 03 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 31 tháng 03 năm 2020

**Tóm tắt:** Nghệ thuật hội họa truyền thống Trung Hoa vốn là mảng kiến thức nằm trong chuyên đề giảng dạy của môn Đất nước học, dành cho sinh viên năm thứ 4 Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Vì vậy, để giúp người học có góc nhìn tổng quan, lĩnh hội kiến thức phong phú và hữu dụng hơn, đặc biệt hiểu sâu hơn nữa về cội nguồn đất nước, con người và văn hóa Trung Hoa nói chung, mảng nghệ thuật này nói riêng, trong khuôn khổ bài viết dưới đây, bằng phương pháp tổng hợp và phân tích, chúng tôi tập trung làm sáng tỏ cội nguồn và lịch sử phát triển của hội họa truyền thống Trung Hoa trong dòng chảy lịch sử phát triển của các triều đại Trung Quốc. Qua đó, bài viết chỉ ra những giá trị văn hóa sâu xa, tinh tế hàm chứa trong nghệ thuật hội họa truyền thống Trung Hoa.

*Từ khóa:* hội họa, cội nguồn, nghệ thuật, giá trị văn hóa, truyền thống

## 1. Đặt vấn đề

Nếu ví nghệ thuật Trung Hoa như dòng sông Hoàng Hà chảy ra biển, thì ắt hẳn hội họa và văn hóa phải là hai nhánh sông lớn cùng nguồn và thường xuyên gặp gỡ nhau trong dòng chảy qua các giai đoạn lịch sử quan trọng của dân tộc này. Nhà nghiên cứu Fu Baoshi từng nói: *“Hội họa truyền thống Trung Hoa là biểu hiện rõ nhất của tinh thần văn hóa dân tộc, cũng là hình thức thể hiện gần gũi nhất các tư tưởng triết học Trung Quốc”* (傅抱石, 2011, tr. 92). Mảng kiến thức về hội họa truyền thống Trung Hoa là một trong những chuyên đề giảng dạy của môn Đất nước học, dành cho sinh viên năm thứ 4, khoa Ngôn ngữ - Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN. Vì vậy, chúng tôi luôn tìm tòi, phát huy cao độ vai trò của môn học, mong muốn giúp người học lĩnh hội kiến thức chuyên đề này được chuyên sâu hơn nữa

cũng như nắm được những giá trị văn hóa cốt lõi ẩn chứa trong đó.

Cho đến nay, ở Việt Nam, nghiên cứu hội họa truyền thống Trung Hoa nói chung và nội hàm văn hóa của nó nói riêng còn khá khiêm tốn. Năm 2005, Khải K. Phạm và các cộng sự ra mắt bạn đọc công trình nghiên cứu “Tổng quan nghệ thuật Đông Phương – hội họa Trung Hoa”. Bằng cách nhìn riêng biệt, nghiên cứu đem đến cho người đọc cái nhìn vĩ mô về không gian nghệ thuật văn hóa Á Đông với những biến chuyển lớn trong cuộc giao lưu, hội nhập văn hóa suốt thế kỷ 19 và 20 đến nay. Minh chứng nghệ thuật Á Đông không hoàn toàn thụ động mà ngược lại, nó đã phát huy ảnh hưởng phương Đông ngày một lớn mạnh ở Âu, Mỹ. Trong đó, hội họa Trung Hoa cũng hóa thân nhiều lần từ cổ đại đến ngày nay nhưng vẫn duy trì được bản sắc độc đáo của mình trong lâu đài hội họa thế giới. Nguyễn Duy Chính với bài viết “Hội họa Trung Hoa cổ kỳ” đăng trên Tạp chí Mỹ thuật năm 2007 giúp người đọc nắm

\* ĐT.: 84-984165915

Email: anhthucspnn@yahoo.com

được các tác phẩm hội họa cô tiêu biểu, hiểu sâu hơn nữa về hệ thống kết cấu hoàn chỉnh của hội họa truyền thống. Từ đó, nâng cao khả năng nhận thức về phương thức biểu đạt, quan niệm thẩm mỹ, góc độ nhận thức và cách thức cảm nhận của hội họa trong sự dung hòa với văn hóa truyền thống Trung Hoa. Ngoài ra, trên các trang mạng cũng xuất hiện một số bài viết tản mạn về hội họa Trung Hoa như: Lê Anh Minh (2006) với “Đặc điểm của hội họa truyền thống Trung Quốc”, “Ý nghĩa biểu tượng trong hội họa Trung Quốc”...; Thế Hải (2018) với “Nét đặc sắc trong hội họa truyền thống Trung Quốc”... Bằng phương pháp phân tích, tổng hợp, kế thừa và phát huy những nghiên cứu của các học giả đi trước, trong bài viết này, chúng tôi đi sâu phân tích, làm sáng tỏ cội nguồn hội họa truyền thống Trung Hoa và nội hàm văn hóa của nó, nhằm góp một tài liệu tham khảo hữu ích cho công tác dạy và học ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc cho sinh viên Việt Nam.

## **2. Nguồn cội và sự phát triển của nghệ thuật hội họa truyền thống Trung Hoa**

### *2.1. Nguồn cội và nền tảng của hội họa truyền thống Trung Hoa*

Trung Quốc vốn được biết đến như một đất nước với lịch sử lâu đời, chính dòng chảy lịch sử trường cửu ấy đã tạo nên một Trung Hoa không chỉ cổ kính, tráng lệ với hiện thân là Vạn Lý Trường Thành, Thiên An Môn, Phượng Hoàng Cổ Trấn... mà còn chở đầy tinh hoa văn hóa qua âm nhạc, thi văn và đặc biệt là hội họa truyền thống. Có thể nói, hội họa Trung Hoa cổ là một trong những nghệ thuật truyền thống lâu đời nhất trên thế giới. Bắt đầu xuất hiện với những tác phẩm nghệ thuật dùng để làm đẹp và trang trí, kỹ thuật hội họa của Trung Quốc đã phát triển thành một loại hình nghệ thuật cổ, điển hình cho trí tuệ và văn hoá truyền thống của quốc gia này.

Hội họa truyền thống Trung Hoa hay còn được gọi là Quốc họa, ban đầu dùng để phân biệt khái niệm hội họa phương Tây du nhập vào Trung Quốc. Hội họa Trung Hoa có thể được phân loại theo: đề tài, kỹ xảo và phương pháp, chất liệu vẽ tranh, họa sĩ... Dựa theo đề tài hội họa có thể phân thành ba loại: tranh nhân vật (biểu hiện cho xã hội loài người), tranh sơn thủy (biểu hiện quan hệ giữa con người với tự nhiên) và tranh hoa điểu (biểu hiện các loại sinh vật trong thế giới tự nhiên bao la cùng chung sống hài hòa với con người). Dựa trên kỹ xảo và phương pháp có thể chia thành: tranh “tả ý” (đề cao cảm xúc tức thời với cách dụng bút phóng khoáng, mang đậm sắc thái Trung Hoa) và tranh “công bút” (là lối vẽ tỉ mỉ, công phu, trau chuốt từng chi tiết nhỏ). Mỗi một tác phẩm của những thể loại này đều thể hiện được nét đẹp văn hóa Trung Hoa dù theo đuổi những kỹ xảo, phương pháp hay quan niệm nghệ thuật khác nhau.

Hội họa truyền thống Trung Hoa có lịch sử lâu đời và là kho tàng di sản văn hóa vô cùng phong phú. Trong bài nghiên cứu này, chúng tôi chủ yếu đi sâu khai thác Quốc họa Trung Hoa ở giai đoạn đầu cho đến thời kỳ nhà Thanh, bởi lẽ đây là giai đoạn chứa đựng dấu ấn lịch sử điển hình và đặc sắc nhất của hội họa truyền thống Trung Hoa. Theo Kinh thư ghi chép lại: truyền thuyết vua Vũ Đinh, tức Cao Tông (1324 - 1266 TCN), đời nhà Thương chiêm bao thấy Thượng Đế ban cho mình một bậc hiền tài giúp chấn hưng đất nước. Tỉnh giấc, vua gọi họa sĩ vẽ đúng người trong mộng để tìm khắp thiên hạ. Ông Duyệt ở cánh đồng Phó Nham vốn là phạm nhân khổ sai, có vẻ ngoài giống hệt tranh vẽ. Vua triệu về đàm đạo, thấy ông Duyệt là người hiền tài bèn tha tội và phong làm Tể tướng. Đây có thể coi là căn cứ trọng yếu cho những truyền thuyết cổ xưa, làm nổi bật thành tựu trong lịch sử văn minh vùng đất người Hán. Nếu xét từ những bức vẽ trên vách đá miêu tả cuộc

sống sinh hoạt của người tiền sử xuất hiện từ thời nguyên thủy ở các vùng Mông Cổ, Cam Túc, Sơn Đông, Tân Cương, Đông Bắc và những bức vẽ trên mặt đất được phát hiện ở vịnh Đại Địa, Tần An, thuộc tỉnh Cam Túc vào năm 1986 thì nghệ thuật hội họa truyền thống Trung Hoa đã trải qua hơn 5000 năm lịch sử. Còn tính từ những bức tranh được vẽ trên lụa bạch, hay còn gọi là họa bạch<sup>1</sup> mà các nhà khảo cổ đã khai quật được ở nhiều di chỉ khác nhau trên đất Trung Quốc, đặc biệt dựa vào bức họa bạch cổ nhất thế giới (nay còn lưu giữ ở tỉnh Hồ Nam), được thắm định vào thời Chiến quốc, vẽ một thiếu nữ xinh đẹp với bút pháp điêu luyện, các chuyên gia nghiên cứu cho rằng hội họa truyền thống Trung Hoa ra đời cách chúng ta khoảng 2500 năm hoặc có thể sớm hơn.

Như vậy, trải qua xã hội nô lệ thời Hạ, Thương, Chu, bước vào xã hội phong kiến thời Chiến quốc và nhà Hán, cùng với việc khai sáng văn minh bởi các vị thần hạ thế, nghệ thuật hội họa đã phát triển đáng kể và đạt đến trình độ khá cao. Những bức tranh lụa bạch khai quật trong ngôi mộ nước Sở thời Chiến quốc như “Long phượng nhân vật đồ” (龙凤人物图), “Ngự long nhân vật đồ” (御龙人物图) phản ánh sâu sắc hơn về thể giới thần linh và nền văn hóa Thần truyền. Hình ảnh người cười Rong trong hai bức tranh lụa bạch trên tái hiện cuộc sống hào hoa khi sống và ước mơ khi chết sẽ sớm được thăng thiên của chủ nhân ngôi mộ. Rong thường đi liền với Phượng hoàng, biểu tượng cho trí tuệ, sức mạnh và cảnh giới vượt khỏi cõi phàm

trần. Thời Tần Hán, tập tục an táng chôn cất long trọng của giới nhà giàu càng thịnh hành hơn. Các bức họa bạch tùy táng trong mộ cổ thường miêu tả sinh động hình tượng nhân vật hiện thực, lịch sử và thần thoại với cấu tứ lãng mạn, đường nét cân đối. Như vậy, thời điểm này, con người không chỉ yêu cầu mô tả chung chung về các đối tượng vẽ tranh mà đã biết phân biệt từ nhân vật đến thiên nhiên, từ thiên đàng đến hạ giới, cảnh vật mở rộng phong phú. Tuy kỹ xảo hội họa chưa cầu kỳ nhưng biết được cách tạo hình, đường nét giản đơn nhưng rất biểu cảm và truyền thần, đã phần nào tái hiện cuộc sống diện mạo thời viễn cổ tràn đầy sắc thái kì ảo cũng như những tín ngưỡng, nguyện vọng, nhu cầu thẩm mỹ của người xưa.

Thời kì Ngụy Tấn Nam Bắc triều, nghệ thuật hội họa Phật giáo bùng phát triển mạnh mẽ, đã có không ít họa sĩ là người tu luyện. Các hang đá Kizil ở Tân Cương, hang đá Mạc Tích Sơn ở Cam Túc, hang đá Mạc Cao Đôn Hoàng đều bảo tồn được số lượng lớn các bức tranh khắc trên tường với trình độ nghệ thuật cao, là kho tàng nghệ thuật tráng lệ của thế giới. Hội họa thời kì này chú trọng đến việc thể hiện thần thái, khí chất và sức sống trong các bức tranh khắc họa. Các hình ảnh với nét vẽ, hình thức vẽ và ngôn ngữ đã trở thành nền tảng cơ bản nhất, đóng vai trò quan trọng cho sự phát triển của hội họa Trung Hoa sau này.

## 2.2. Sự phát triển lý luận cơ bản của hội họa truyền thống Trung Hoa

Trước thời kì Ngụy Tấn Nam Bắc triều, nghệ thuật hội họa truyền thống Trung Hoa đã trải qua hàng nghìn năm lịch sử, nhưng thực sự cần phải phân định những bức tranh cổ bắt đầu xuất hiện từ thời kì này, bởi vì trước đó, tranh được vẽ bởi những tác giả giấu tên, chưa phân biệt được thật giả. Thời kì Nam Bắc triều, xuất hiện rất nhiều các họa sĩ nổi tiếng xuất thân từ tầng lớp sĩ phu chuyên về hội họa

<sup>1</sup> Trước khi phát minh ra giấy ở thời Đông Hán (thế kỷ thứ nhất), hội họa Trung Hoa được thực hiện chủ yếu trên “bạch”. “Bạch” vốn được dệt từ tơ, tương tự như dũi, lụa, cầm. Sau này “bạch” được thay thế bằng “lụa”, vì vậy còn được gọi là “lụa bạch”, còn tranh vẽ trên lụa bạch được gọi là “họa bạch”. Lụa được căng ra và quét keo có nguồn gốc động vật để có thể thắm mực và màu. Mực được làm từ bồ hóng của gỗ thông.

với những thành tựu nổi bật, được người dân thời đó tôn sùng. Vào thời điểm này, phong cảnh, hoa điều và muông thú là những đối tượng chính được các họa sĩ tái hiện một cách sinh động. Đặc biệt, tranh phong cảnh đã tách ra khỏi việc làm nền cho nhân vật để trở thành những bức tranh độc lập. Những tác phẩm của họ để lại cho đời được bảo tồn và lưu truyền đến ngày nay. Tuy nhiên, cùng với đó cũng xuất hiện những tác phẩm làm giả, mô phỏng theo tranh nguyên bản, vì vậy mà đã có sự giám định tranh gốc hay tranh chép. Sau này hình thức hội họa còn xuất hiện tranh cuộn (hand-scroll) cuộn dài của các sĩ phu, rất thuận tiện cho việc bảo tồn. Việc lưu giữ tranh của Hoàng thất và các hộ gia đình ở thời kì này đã không còn bị giới hạn đơn thuần bởi cách sưu tầm và bảo quản nữa mà còn phát triển thêm một loạt các hoạt động như giám định, bình xét, ghi chép lại,... vén bức màn che giấu những mơ hồ, huyền bí chưa thể giải đáp trong nghệ thuật hội họa truyền thống Trung Hoa ở thời kì đầu. Giai đoạn này, nhóm các nhà phê bình kiệt xuất với những tranh luận sôi nổi, trao đổi và lý luận chặt chẽ của họ có sức ảnh hưởng lớn đến các thể hệ họa sĩ sau này. Trong số đó, họa sĩ nổi tiếng Cổ Khải Chi thời Đông Tấn và Tạ Hách thời Nam triều là những đại diện tiêu biểu nhất. Cổ Khải Chi đưa ra lập luận nổi tiếng là “*Lấy hình tả thần*” (以形写神). Ông chỉ ra rằng họa sĩ khi vẽ không chỉ theo đuổi hình ảnh thực bên ngoài, mà còn theo đuổi bản chất của tinh thần bên trong. Trong suy nghĩ của ông, vẽ hình sẽ truyền được cảm xúc, đó phải là cảm xúc của người họa sĩ và họ cần thêm vào trong tranh nhận thức cuộc sống của mình. Cảm phục tài năng họa pháp của Cổ Khải Chi, nhà lý luận hội họa đời Đường Trương Ngạn Viễn đã ngợi ca: “*Nét bút của Cổ Khải Chi mạnh mà bay bổng, liên miên, quanh quất xa vời, cách điệu siêu thoát mà giản dị, như gió thổi, chớp giạt; ý có trước khi hạ bút, vẽ xong mà ý*

*vẫn còn, bởi vậy tranh tràn trề thần khí*” (伍蠡甫, 1983). Tạ Hách, trong cuốn “*Cổ họa phẩm lục*” (古画品录) đã đưa ra “*lục pháp luận*” (六法论) tức sáu quy ước cơ bản cần đạt được khi vẽ một bức tranh hoàn chỉnh, bao gồm: *khí vận sinh động* (气韵生动) ; *cốt pháp dụng bút* (骨法用笔) ; *ứng vật tượng hình* (应物象形) ; *tùy loại phú thái* (随类赋彩) ; *kinh dinh vị trí* (经营位置) ; *truyền di mô tả* (传移模写) . Đây có thể xem như hệ thống lý luận cơ bản của hội họa Trung Hoa thời kỳ đầu, đánh dấu hội họa chính thức trở thành một môn nghệ thuật độc lập, đặt nền móng quan trọng cho lý luận hội họa sau này.

### 2.3. Sự trưởng thành và phát triển đỉnh cao của hội họa truyền thống Trung Hoa

Bước vào thời Tùy Đường, kết thúc cục diện đất nước biến động, loạn phân chia Nam Bắc kéo dài hơn 370 năm trong lịch sử Trung Quốc, nghệ thuật hội họa Trung Quốc vì thế cũng có bước tiến dài. Triều đại nhà Tùy (581 – 618) tuy ngắn ngủi nhưng trở thành cầu nối cho sự chuyển giao hội họa từ giai đoạn thời Ngụy, Tấn, Nam Bắc triều sang nhà Đường. Đời Tùy Đường có hai nhân tài tiêu biểu là Triển Từ Kiên và Giang Chí. Họa sĩ họ Triển đưa ra quan điểm “*chỉ xích thiên lý*” (thu vạn dặm vào trong một thước) còn họa sĩ họ Giang được đời sau tôn kính vinh danh là “*Đường họa chi tổ*” (ông tổ của hội họa đời Đường). Nghệ thuật vẽ tranh thời Tùy chủ yếu được triều đình quý tộc hoàng gia sử dụng với mục đích thẩm mỹ và thờ cúng. Thể loại tranh thời này bao gồm tranh tường trong điện thờ và tranh cuộn với phong cách hội họa có xu hướng phong phú, rộng mở hơn. Trong số các tác phẩm được lưu truyền, “*Du xuân đồ*”<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Tác phẩm “*Du xuân đồ*” (游春图) của Triển Từ Kiên hiện lưu trữ tại viện Bảo tàng Cổ Cung, Bắc Kinh. Tác phẩm đã giải quyết triệt để vấn đề xử lý phối cảnh không gian hợp lý giữa người và cảnh vật, là đại biểu cho sự nổi lên của tranh sơn thủy.

(游春图) của Triển Tử Kiên được coi là thủy tổ chính thức của tranh sơn thủy. Thời Đường được biết đến là kỷ nguyên vàng son của nền văn minh Trung Hoa, xã hội ổn định, kinh tế phát triển mạnh, giao lưu với nước ngoài sôi nổi nên đã thổi làn gió mới vào nền nghệ thuật hội họa trong nước. Ở thời kì này, chỉ có triều đình có toàn quyền và nguồn tài lực để bảo trợ nền nghệ thuật cao với qui mô đáng kể. Số họa sĩ trong cung khá nhiều và được ban chức, với nhiệm vụ vẽ chân dung các công thần, những cảnh sinh hoạt của vua chúa và các phi tần, mỹ nữ. Lý do vua chúa quy tụ những họa sĩ tài giỏi nhất nước về phục vụ triều đình không chỉ vì giới hoàng tộc yêu thích loại hình nghệ thuật này mà sâu xa hơn muốn tuyên truyền thiên mệnh của họ để đối phó với các thế lực chính trị khác. Tác phẩm nổi tiếng dùng cho việc tuyên truyền lễ giáo chính trị có bức họa phẩm “Bộ liễn đồ”<sup>1</sup> (步辇图), “Cổ đế hoàng đồ quyền” (古帝皇图卷)<sup>2</sup>... Cuối đời Đường và suốt giai đoạn Ngũ Đại Thập Quốc, đất nước lại phân ly, loạn lạc trên 50 năm nhưng những tác phẩm hội họa cung đình vẫn được bảo tồn tốt nhất tại Nam Kinh và Tứ Xuyên.

Trong không gian hội họa cổ thời Tống, không chỉ các thể loại, đề tài hội họa có những thành tựu rực rỡ, khả năng tả thực được nâng

cao mà còn xuất hiện hàng loạt các họa sĩ tài năng. Họ đều có những nghiên cứu, sáng tạo độc đáo hoặc đi vào con đường chuyên môn hóa đề tài, hoàn thiện những kỹ pháp còn dang dở của đời trước. Đơn cử như hội họa Bắc Tống tiếp tục phát triển dựa trên nền tảng hội họa từ đời Đường, bậc thầy về tranh nhân vật có Ngô Đạo Tử, tranh hoa điều với kỹ pháp điêu luyện có Hoàng Thuyên. Nam Tống có lẽ do vị trí địa lý thủy vực tại Giang Nam, tranh sơn thủy nơi đây đa phần mô phỏng, linh hoạt, kỳ ảo. Rất nhiều các văn nhân theo trường phái vẽ tranh thủy mặc với bút pháp tả ý giản lược, đề cao lý luận “*Ngoại sư tạo hóa, trung đắc tâm nguyên*” (Học trực tiếp từ tạo hóa, truyền hiểu biết trực tiếp vào tâm, hòa tan cái tôi của mình vào trong vạn vật, sáng tạo ra ý cảnh). Trong trường phái nghệ thuật hội họa<sup>3</sup>, hình thành hai trường phái lớn nhất triều Tống, một là “Viện thể họa” do Hoàng đế Huy Tông<sup>4</sup>, vốn là người rất đam mê nghệ thuật hội họa và dành trọn tâm sức để sáng lập và đưa nó trở nên hưng thịnh nhất trong lịch sử Trung Hoa. Đây được coi như một cơ quan hàn lâm đặc biệt, gần giống như hình thức hoạt động của Học viện mỹ thuật thời nay, hoạt động dưới sự bảo trợ của cung đình, có chức năng đào tạo và rèn luyện về kỹ pháp hội họa. Các bức họa ở đây được miêu tả tinh tế, là những tác phẩm của các họa gia nổi tiếng trong lịch sử hội họa Trung Hoa như Hứa Đạo Ninh, Lý

<sup>1</sup> Bộ Liễn: vốn là một loại công cụ do người khiêng, thay cho đi bộ vào thời cổ. “Bộ liễn đồ” (步辇图) của Họa sĩ Diêm Lập Bản đời Đường vẽ hình ảnh vua Đường Thái Tông bệ vệ, oai phong mặc hoàng bào ngồi Bộ liễn tiếp kiến sứ thần đến từ Tây Tạng.

<sup>2</sup> Tác phẩm là một cuộn tranh màu vẽ trên lụa, mô tả quyền lực của 13 vị đế vương tiêu biểu trong lịch sử Trung Hoa từ thời Lương Hán đến đời Tùy gồm: Hán Chiêu Đế, Hán Quang Vũ Đế, Tào Ngụy Văn Đế, Hán Chiêu Liệt Đế, Đông Ngô Đại Đế, Tấn Vũ Đế, Bắc Chu Vũ Đế, Trần Văn Đế, Trần Phế Đế, Trần Tuyên Đế, Trần Hậu Chủ, Tùy Văn Đế, Tùy Dạng Đế. Tác phẩm này hiện được trưng bày tại Bảo tàng Mỹ thuật Boston, Hoa Kỳ.

<sup>3</sup> Hội họa phân nhánh qua các “trường phái hội họa”. Thuật ngữ “trường phái” được dùng để chỉ một phong cách mà trong đó phân loại một nhóm các họa sĩ cùng chung quan điểm về kỹ thuật vẽ tranh và phương pháp thể hiện. Trong triều đại khác nhau đã có rất nhiều trường phái hội họa ra đời góp phần làm thay đổi quan điểm về thẩm mỹ hội họa.

<sup>4</sup> Theo sách sử ghi chép: Ngự thư phòng của hoàng đế Huy Tông có lưu trữ rất nhiều thư pháp, tranh họa nổi tiếng. Tổng cộng ước chừng 6.396 tác phẩm của 231 họa gia. Trong đó, có hơn 100 tác phẩm của vua Huy Tông với bút pháp vô cùng tinh tế, điêu luyện.

Đường, Tô Hán Thần... Trường phái thứ hai tương phản với phong cách chính thống của Viện thể, đó là “Văn nhân họa” hay còn gọi là “Sĩ đại phu họa” (hội họa của các văn nhân, sĩ đại phu) do các quan văn như Tô Thức, Mễ Phất và Lý Công Lân sáng lập nên, tương phản với phong cách chính thống của viện phái. Chính do sự khác biệt giữa nghệ thuật cung đình - quan phương với nghệ thuật của các sĩ phu tự do mà trong lịch sử nghệ thuật Trung Hoa đã hình thành hai dòng hội họa đối lập song ảnh hưởng, thâm thấu lẫn nhau trong nhiều thế kỷ, bảo đảm sự phát triển năng động, giàu thành tựu đa dạng của hội họa và mỹ thuật Trung Hoa.

Thời nhà Nguyên là thời kỳ hội họa truyền thống Trung Hoa có bước chuyển ngoặt và thay đổi lớn. Thứ nhất, số tranh nhân vật giảm đi đáng kể nhưng tranh đề tài về hoa mai, lan hay trúc mọc bên những tảng đá lớn và tranh hoa điều với thủ pháp bút mặc (bút lông và mực tàu) rất thịnh hành. Hội họa kế thừa và theo đuổi phong cách hội họa thời Đường, Ngũ Đại và Bắc Tống, cường điệu trong tranh phải có “Sĩ khí” tức khí tiết của kẻ sĩ, “*Di mạo cầu thần*” nghĩa là không bắt ép tranh vẽ phải giống y như thật hay phải vẽ thật tỷ mỉ, kỳ công mà quan trọng là tìm ra được cái thần vốn có bên trong cảnh vật cũng như tâm tình mang cảm xúc chủ quan khi vẽ của người họa sĩ. Nét vẽ càng đơn giản càng tốt, phóng khoáng mà nổi bật, cảm hứng thư pháp và thơ ca được họa kèm trên tranh hòa quyện mật thiết để sáng tạo nên bức tranh thủy mặc theo đúng nghĩa. Người có công đưa phong cách “*thư họa đồng pháp*” hay “*thư họa đồng nguyên*” (tranh vẽ như viết) chiếm vị trí thượng phong phải kể đến danh họa Triệu Mạnh Phủ thời nhà Nguyên. Ông là người nghiên cứu, phát triển thủ pháp bút mặc trong thư pháp để thể hiện sự phong phú, thanh nhã trong nghệ thuật vẽ tranh. Nổi tiếng là bức tranh thủy mặc thuần túy “Thủy thôn” (水村). Qua nét vẽ tài tình

của Triệu Mạnh Phủ, lấy không gian và thời gian hợp nhất, trời và đất đều ở trong tâm, khung cảnh đồng hoang bình dị nơi thôn quê miền núi vùng Giang Nam hiện ra tuyệt đẹp trong sự mờ ảo sau cơn mưa bụi với những đôi cá nhấp nhô, cây cỏ lưa thưa, thấp thoáng vài chiếc thuyền đánh cá xa xa. Thứ hai, sự trỗi dậy của tranh văn nhân đã phá vỡ cục diện mang tính hệ thống trong họa viện cung đình nhà Tống, thúc đẩy hội họa chuyên biến, tạo ảnh hưởng rất lớn đến hội họa thời Minh Thanh sau này, trong đó không thể không nói đến sự xuất hiện của hàng loạt danh họa, đại diện cho thời kỳ nghệ thuật hội họa đạt đến đỉnh cao thành tựu, đã trở thành những tấm gương sáng cho các thế hệ đời sau noi theo như: “Nguyên tứ gia” (bốn vị họa sĩ nổi tiếng cuối đời Nguyên gồm Hoàng Công Vọng - thủ lĩnh, Ngô Trần, Nghệ Toán và Vương Mông). Một trong những kiệt tác lưu danh thiên cổ của họ mà người đời sau vô cùng xem trọng là bức thủy mặc “Phú xuân sơn cư đồ” (富春山居图)<sup>1</sup>, tái hiện sinh động phong cảnh tươi đẹp, lãng mạn, lồi cuốn ở hai bên bờ sông Phú Xuân tỉnh Chiết Giang vào chớm đầu thu.

Đến thời nhà Minh, hội họa thời Tiền Minh được tính từ đời vua Hồng Vũ đến đời vua Hoàng Trị (1368-1505 Công nguyên), hội họa của các văn nhân, sĩ phu đã trưởng thành hơn, tiêu biểu có Đới Tiên, Ngô Vĩ, Uông Chất... sáng lập ra “Chiết phái” (còn gọi là “phái Chiết Giang”) lừng lẫy một thời và ghi dấu ấn đậm nét về tranh phong cảnh. Giai đoạn giữa và cuối đời Minh, tính từ thời vua Thành Hóa đến đời vua Sùng Trinh (1567 - 1644 Công

<sup>1</sup> “Phú Xuân Sơn Cư Đồ” là một trong 10 bức tranh nổi tiếng nhất Trung Quốc. Bức tranh hoàn thành chưa được bao lâu thì Hoàng Công Vọng qua đời. Đến đời vua Thuận Trị nhà Thanh, do bị hỏa hoạn, bức tranh này chia thành hai phần. Hiện phần đầu dài khoảng 50 cm, cất giữ ở Viện bảo tàng tỉnh Chiết Giang, phần sau dài khoảng 640 cm, cất giữ ở Viện bảo tàng Cổ Cung Đài Bắc.

nguyên), phong cách hội họa thủy mặc của văn nhân đời Tống Nguyên được phục hưng trở lại, do “Ngô Môn tứ gia” gồm Thẩm Chu, Văn Chủy Minh, Đường Hoàng, Cử Anh dẫn đầu và phát triển thành “Ngô Môn họa phái”, nổi lên như một hiện tượng ở phủ Ngô Môn (tức Tô Châu ngày nay). Tiếp đó, Đồng Kỳ Xương, một nhà thư họa nổi tiếng thời Minh, người huyện Tùng Giang, Thượng Hải đã dày công nghiên cứu, bổ sung những ưu điểm, bù đắp những thiếu sót còn tồn tại của “Chiết phái” và “Ngô Môn họa phái”, hình thành nên “Tùng Giang phái”, đem luồng sinh khí tươi mới đến nền hội họa truyền thống Trung Hoa. Đáng chú ý, ở đời Minh, không chỉ số tranh được giám định và thu thập ở trong Phủ tương đối lớn mà quan quân triều đình cũng tâu đi khắp nơi trong cả nước thu thập và mang về số lượng tranh khổng lồ.

Sự phát triển của hội họa thời nhà Thanh chủ yếu phân thành ba thời kỳ Tiền Thanh, Trung Thanh và Văn Thanh. Thời kỳ Tiền Thanh bắt đầu từ cuối thời Minh cho đến đời vua Khang Hi, họa gia nổi tiếng có họa phái “tứ Vương” (Vương Thời Mẫn – thủ lĩnh, Vương Giám, Vương Huy, Vương Nguyên Kỳ) hay còn gọi là “Chính thống phái”. Họ có xu hướng đạt được sự tự do về tinh thần trong cuộc sống và truyền đạt nguồn cảm xúc cũng như thể hiện những cá tính mới mẻ vào trong tranh, khiến cho tác phẩm của họ mang màu sắc riêng và không bị đóng khung trong một khuôn khổ cứng nhắc nào. Trường phái hội họa này nhận được sự yêu thích đặc biệt từ Hoàng đế cũng như mọi tầng lớp bá tánh bình dân. Giai đoạn giữa của thời kỳ nhà Thanh được tính từ thời vua Càn Long đến đời vua Gia Khánh, là thời kỳ tôn thờ cách vẽ tranh thủy mặc bằng những nét chấm phá truyền thần, có xu hướng theo đuổi sự phóng khoáng, phiêu diêu mà không kém phần độc đáo. Chủ đề mà họ yêu thích gửi gắm trong tranh thường là “tứ quân tử” (tranh chuyên về mai, lan, trúc, cúc)

vì những loài hoa này mang ý vị tượng trưng văn học, tiêu biểu đức hạnh của bậc quân tử, luôn trau dồi tài đức trước nghịch cảnh cuộc đời. Thời Văn Thanh được tính từ đời vua Đạo Quang đến thời vua Quang Tự, giới hội họa Trung Quốc hoạt động sôi nổi nhất ở thành phố thương nghiệp Thượng Hải và Quảng Châu. Khu vực Thượng Hải xuất hiện những họa sĩ nổi tiếng như Triệu Chi Khiêm, Hư Cốc, Nhâm Hùng, Nhâm Di, Ngô Xương Thạc... hình thành nên “Hải phái”. Tại Quảng Châu xuất hiện họa phái “Lĩnh Nam” do các họa sĩ cận đại như Cao Kiếm Phụ, Cao Kỳ Phong, Trần Thụ Nhân... sáng lập. Đáng chú ý là phái “Lĩnh Nam” đều xuất dương sang Nhật Bản tìm hiểu hội họa Nhật Bản và phương Tây rồi chủ trương “dung hợp cổ kim”, lấy “đổi mới” làm tôn chỉ, kết hợp tinh hoa của hội họa truyền thống Trung Hoa, Nhật Bản và trường phái Ấn tượng phương Tây để tạo nên sự cách tân trong hội họa truyền thống Trung Hoa. Vì vậy, những tác phẩm của họa phái này không dừng lại ở việc mô phỏng cổ nhân mà truyền vào đó dấu ấn, hơi thở thời đại.

### **3. Nội hàm văn hóa thâm sâu của hội họa truyền thống Trung Hoa**

#### *3.1. Ý nghĩa văn hóa truyền tải qua hội họa truyền thống*

Hội họa truyền thống Trung Hoa trải qua quá trình phát triển lâu dài, cách tân và không ngừng kế thừa những tinh hoa qua các triều đại lịch sử nên có thể coi đây là niềm tự hào, là viên ngọc quý của dân tộc Trung Hoa. Nó bao hàm tinh thần nghệ thuật, cách thức thể hiện cùng với nội hàm văn hóa Trung Hoa, trở thành nét tiêu biểu của nghệ thuật phương Đông, phản ánh nhiều phương diện như triết học, văn hóa, kiến trúc, điêu khắc của Trung Hoa cổ đại.

Cội nguồn văn hóa của hội họa truyền thống Trung Hoa có phương thức biểu hiện

và tư tưởng thẩm mỹ riêng biệt. So sánh với hội họa truyền thống phương Tây, nó không hề mang vẻ lộng lẫy sắc màu mà tựa hồ như suối nguồn chảy dài nhẹ nhàng, tự nhiên. Biểu hiện của hội họa truyền thống Trung Hoa là theo đuổi “*thiên nhân hợp nhất*”, sùng bái sự hòa hợp giữa con người với thiên nhiên, là hiện thân linh khí của đất trời sông núi, sức sống của muôn loài, thể hiện chất trữ tình đậm thắm. Kế thừa giá trị văn hóa truyền thống, hội họa Trung Hoa cổ kỳ chú trọng thể hiện nội hàm bên trong hơn là sự chính xác vật lý bề ngoài đơn thuần. Hơn nữa, trong hiệu ứng nghệ thuật của bút mực còn phản ánh thái độ của người họa sĩ trí thức đối với đời sống xã hội, thể hiện sự hiểu biết bản chất thiên nhiên và sự nhạy cảm với nghệ thuật. Nói cách khác, hội họa truyền thống Trung Hoa không chỉ lấy cảm hứng từ thế giới tự nhiên xung quanh mà còn phản ánh thế giới nội tâm của người nghệ sỹ. Các họa sĩ Trung Quốc tả thực các hiện tượng tự nhiên rồi thêm vào đó sự “gia công” cũng như truyền cảm xúc và tu dưỡng đạo đức của chính mình vào tác phẩm hội họa. Nhiều yếu tố tương tác và hòa quyện cùng nhau, được tạo ra từ sự cộng hưởng trong trái tim của người họa sĩ, khiến cho những kiệt tác đạt đến cảnh giới tuyệt vời. Đơn cử như họa sĩ thời nhà Nguyên khi vẽ tranh phong cảnh, phần lớn họ ngồi thiền tu đạo, ẩn cư nơi non cao rừng thẳm, hàm chứa cảm ngộ “xuất thế gian”. Tác phẩm của họ dù có núi non trùng điệp, sông nước bao la, mây trời vờ vờ, bốn mùa xuân hạ thu đông, thì luôn ẩn chứa cảm giác đìu hiu, thanh tịnh.

Những tác phẩm hội họa truyền thống được lồng “ý thơ”, “ý cảnh”, trở thành trào lưu chủ đạo của hội họa lúc bấy giờ và được các văn nhân tiêu biểu như Tô Thức, Thái Kinh, Huy Tông, Mễ Phát... ủng hộ mạnh mẽ. Điều này làm tăng đáng kể “huương vị văn hóa” và làm phong phú thêm di sản văn hóa hội họa Trung Hoa. Đó là triết lý sâu xa của người xưa

qua sự kết hợp giữa thi ca, tranh, chữ với ý tứ và vần điệu, hình thành nên chuẩn mực thẩm mỹ của hội họa truyền thống. Thơ ca Trung Quốc luôn coi trọng “ý cảnh”, có thể khơi dậy trí tưởng tượng và kích thích sự liên tưởng của người đọc trong việc cảm thụ tác phẩm hội họa. Đây đó, vừa có sự lạnh lẽo của “*Tứ canh sơn thổ nguyệt, tàn dạ thủy minh lâu*” (四更山吐月, 残月水明楼 - Canh tư, núi nhả mặt trăng. Đêm tàn, lầu in mặt nước); vừa có sự bao la rộng lớn của “*Đại mạc cô yên trực, trường hà lạc nhật viên*” (大漠孤烟直, 长河落日圆 - Sa mạc làn khói thẳng. Sông dài mặt trời tròn); lại có sự hào hùng của “*Quân bất kiến, Hoàng Hà chi thủy thiên thượng lai, bôn lưu đáo hải bất phục hồi*” (君不见, 黄河之水天上来, 奔流到海不复回 - Bạn không thấy sao: Nước sông Hoàng Hà từ trên trời chảy xuống, chảy ra đến biển, không quay trở lại) ... Việc đan lồng những câu thơ này trong tác phẩm hội họa truyền thống thực sự tạo thành một “ý cảnh” hấp dẫn trong hội họa hay nói cách khác đã tạo nên thủ pháp nghệ thuật mà nhà thơ nổi tiếng Vương Duy thời Đường đúc kết: “*thi trung hữu họa*” (trong thơ có chất họa) hay “*họa trung hữu thi*” (trong họa cũng có chất thơ). Trương Thuần Dân thời Bắc Tống cũng từng nói: “*Thơ là họa vô hình, họa là thơ có hình*”. Ngô Hàn Long thời Nam Tống cho rằng: “*Vẽ cảnh khó vẽ, lấy thơ góp thành. Ngâm thơ khó ngâm, mượn họa thay lời*” (伍蠡甫, 1983) . Quả thực, tác phẩm có giá trị nghệ thuật hơn khi thể hiện đầy đủ cảm xúc trữ tình của người nghệ sỹ. Cổ nhân có câu “*Thi tình họa ý*” là vậy, những bức tranh này không chỉ đơn thuần là kỹ năng vẽ, là giá trị tự thân của bức họa mà cao hơn nữa thể hiện kiến thức sâu rộng và sự am hiểu văn hóa, là nhân sinh quan của nghệ nhân.

Từ những phân tích trên đây cho thấy, đây chính là điểm khác biệt lớn về văn hóa hội họa truyền thống Trung Hoa và phương Tây. Vương Phu Chi - nhà triết học duy vật xuất sắc



thế kỷ 17 của Trung Quốc cho rằng: Trong thi họa truyền thống Trung Hoa luôn toát lên cảm giác tràn ngập nỗi ưu tư, sâu thẳm trong lòng văn nhân, từ đó hình thành đặc trưng thẩm mỹ kết hợp thi ca và hội họa Trung Hoa (刘席伯, 2014:2). “Ý thơ” mới lạ trong bức họa, tuy mờ ảo nhưng quan trọng ở chỗ nắm được nét thật trong cảnh. “Ý họa” sống động trong thi ca bắt nguồn từ những tâm tư tình cảm trong lòng, còn “tình thơ” lại sinh ra trong lúc tạo cảnh. Tóm lại, hai dòng sông nghệ thuật “thi ca” và “hội họa” cuối cùng cũng vì chữ “tình” mà hòa chung một nhánh đổ ra biển cả. Ngược lại, hội họa Phương Tây cường điệu sự khác biệt cũng như giới hạn giữa “thơ” và “họa”. “Thơ” luôn luôn lưu động, là nghệ thuật thời gian một chiều, còn “họa” là nghệ thuật không gian bình diện hai chiều. Paul Cézanne, họa sĩ phái hậu ấn tượng của Pháp thế kỷ 19 đã xây dựng một luật giới cho phái hội họa hiện đại: “Nghệ thuật gia cần phải bảo vệ mình chớ thiên về những thứ thuộc về văn học” (伍蠡甫, 1983). Rõ ràng, quan điểm này hoàn toàn trái ngược với quan điểm dung hòa linh diệu thơ phú và hội họa của các nhà nghệ thuật Trung Hoa, một phong cách vốn xuất phát từ ý niệm triết học phương Đông, lấy hư vô làm gốc để điều phối hài hòa giữa “hư” và “thực”, ứng với vũ trụ vạn biến xoay vần để diễn tả thần thái của vạn vật vào trong tranh (李冰虹, 2018:13).

Hơi thở văn hóa trong hội họa truyền thống cũng có thể quyết định được giá trị cốt lõi của nghệ thuật Trung Hoa. Nền hội họa truyền thống Trung Hoa cùng với triết học, thi ca, văn học, thư pháp cũng như âm nhạc, điêu khắc có quan hệ mật thiết với nhau, là tài sản quý giá của truyền thống dân tộc Trung Hoa và vẫn tỏa sáng lấp lánh cho đến ngày nay. Do đó, có thể nói rằng, hội họa truyền thống Trung Hoa chính là chất lọc tinh túy của nền văn hóa Trung Hoa mà thành, góp phần làm nên hào quang của lịch sử văn hóa Trung Hoa.

### 3.2. Dấu ấn riêng của người họa sĩ qua nét vẽ mang nội hàm tinh thần sâu sắc

Văn hóa và hội họa đều là lối vào của “Đạo”. “Đạo” theo quan điểm của Lão Tử là cội nguồn của vạn vật, có trước mọi tồn tại của thời gian và không gian. “Đạo” vừa là tất cả, vừa là sự biến hóa của tất cả. “Đại đạo” thì không tên nên không thể đạt đến bằng tư duy hay ngôn ngữ của khái niệm, chỉ có thể lắng lắng đến gần. Với những đặc trưng như thế, hội họa là những phương thức hữu hiệu nhất để thể nhập với “Đạo”.

Qua quá trình nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy hội họa là sự biểu hiện của văn hóa và văn hóa chính là nguồn gốc tinh thần của hội họa. Ảnh hưởng của văn hóa truyền thống Trung Hoa chủ yếu đến từ học thuyết Nho giáo “*Tri giả lạc thủy, nhân giả lạc sơn*” (xuất xứ từ thiên “Ung dã” sách “Luận ngữ”, nghĩa là: người trí - ý là thông tuệ thích nước, người nhân - ý là đức độ thích núi) hay thuyết tư tưởng “*Vô vi*” huyền bí của Đạo giáo. Hệ thống tư tưởng Nho giáo vẫn luôn ảnh hưởng một cách mạnh mẽ và lâu dài đến quan niệm thẩm mỹ của con người. Trong hệ thống giáo dục “*lục nghệ*” (六艺)<sup>1</sup> của Nho giáo, các Nho sĩ<sup>2</sup> phải giỏi

1 Theo tác giả Zhidong Hao. *Intellectuals at a Crossroads: The Changing Politics of China's Knowledge Workers*: Khái niệm “Lục nghệ” được hình thành và phát triển trong thời kỳ tiền phong kiến, từ triều đại nhà Chu. Người quân tử thời đó phải thành thạo sáu môn nghệ thuật bao gồm: lễ (lễ nghĩa), nhạc (âm nhạc), xạ (bắn cung), ngự (cưỡi ngựa), thư (thư pháp) và số (toán học). Thời kỳ hậu phong kiến, “Lục nghệ” giảm thành “Tứ nghệ” gồm: cảm, kỹ, thi, họa.

2 Theo Nguyễn Thừa Hỷ (2008). *Về nhân cách của người Nho sĩ - quan liêu thời Lê - Trịnh*. Kỳ yếu hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ 3, tiểu ban lịch sử Việt Nam truyền thống thi: “Nho sĩ (sĩ) là giới đứng đầu trong bảng xếp hạng “tứ dân” (sĩ - nông - công - thương), thiên nhiều về mặt danh nghĩa. Trên thực tế, đó là một tầng lớp dốt, có gốc ăn khá sâu trong

về họa pháp. “Cầm, kỳ, thi, họa” không hồ danh là nghệ thuật hiếm thấy của Trung Hoa. Song song với văn chương, họa pháp không chỉ là một trong những nét tiêu biểu mà bậc thánh hiền xưa có thể tu dưỡng đạo đức và nâng cao phẩm giá bản thân mà còn là kết tinh trí tuệ, là lối đi mở thông với đất trời (刘文萍 & 张玲, 2018: 11). “Họa” là không gian chứa đựng đạo lý sâu xa về vũ trụ và nhân sinh, dẫn dắt con người cảm ngộ chân lý của nhân sinh và hoàn thiện lý tưởng về sinh mệnh và đạo đức, tìm tòi thiên đạo, khiến cho cảnh giới tư tưởng được thăng hoa, hòa nhịp với đất trời (张毅, 2018: 6).

Văn hoá Trung Quốc thể hiện mối liên hệ sâu sắc giữa nội hàm của bức tranh và thế giới nội tâm của người họa sĩ, hay nói cách khác, tác phẩm nghệ thuật phản chiếu nhân cách cao đẹp của họ. Chỉ khi người họa sĩ tuân theo chuẩn mực đạo đức thì bức tranh mới có thể đạt đến giá trị đích thực của nghệ thuật. Trương Ngạn Viễn, nhà phê bình mỹ thuật đời Đường khi viết về hội họa vào khoảng năm 847 nhấn mạnh *“Những danh họa đời xưa đều là dòng dõi kẻ sĩ có tinh thần khinh ghét thói thường và cốt khí cao quý, xuất chúng hơn người, nên mới có thể lưu danh mai hậu. Hội họa không phải là điều mà kẻ tiện nhân ngoài đường có thể mưu cầu mà được”* (Lâm Ngữ Đường, 2005). Quả vậy, những danh họa với vốn tri thức và trải nghiệm, chắc chắn rất nhạy cảm với *“đời suy thói tệ, danh phận lung tung”*<sup>1</sup>. Trong những vương triều suy thoái

vua tối tối gian, chuẩn mực khuôn vàng thước ngọc bị lung lay, trong tâm thức họ, ở những cung bậc khác nhau, sẽ có những trăn trở, ưu sầu trước thời thế, xã hội và thân phận con người. Đúng như Nguyễn Trãi nói *“cổ kim thức tự đa ưu hoạn”* (xưa nay người biết chữ nghĩa thường lắm nỗi ưu phiền). Trong khúc quanh của lịch sử Trung Hoa, những danh họa chân chính, kế thừa phẩm chất trí dũng của nhà nho, không màng danh lợi, thông qua tác phẩm hội họa của mình, họ tự giải phóng khỏi thói đời tao loạn nghịch lý để hướng tới chân trời lý tưởng chân, thiện, mỹ. Hiển nhiên, các tác phẩm đó thường nặng về trữ tình, nhẹ về tả thực, thiên về nghệ thuật gọi tâm tư, giản đơn về kỹ năng biểu hiện. Câu chuyện lưu truyền kể lại rằng, họa sĩ Bát Đại Sơn Nhân, vốn là di thần thuộc dòng dõi hoàng tộc triều Minh, khi Mãn Thanh lật đổ nhà Minh, Bát Đại Sơn Nhân giả điên chạy trốn vào núi sâu lánh nạn, lúc làm hòa thượng, khi là đạo sĩ. Ông dùng hội họa để giải bày nỗi lòng chứa tâm tư, uẩn của mình trước thế sự éo le của cuộc đời.

Như vậy, chúng ta phần nào có thể lý giải được tại sao, trong một nền văn hoá mà nghệ thuật văn chương giữ địa vị độc tôn song hội họa vẫn được coi trọng và khuyến khích phát triển không kém văn chương. Nhiều hoàng đế Trung Hoa là những họa sĩ, thư pháp gia hoặc những nhà sưu tập nghệ thuật trứ danh.... Không chỉ thi từ mà cả thư họa đã sớm trở thành những thú vui tao nhã, tìm sự thanh tao tĩnh lặng của giới sĩ phu Trung Hoa, cả những người làm quan cũng như những người tránh xa quan trường (Lâm Ngữ Đường, 2005). Văn nhân cổ xưa quả thực đã mang tới những nét thi vị khi dùng thơ ca, thư pháp, hội họa hội nhập tài tình trong một cùng một thể, khiến cho những họa sĩ dày công tu dưỡng văn học và

---

khối quần chúng bình dân, còn đình thì vươn tới đẳng cấp thượng lưu thống trị. Cùng nằm trong giới đó, có nhiều bộ phận nho sĩ với những thân phận rất khác nhau. Có những nho sinh bình dân đang dùi mài kinh sử, chưa hề đỗ đạt gì hoặc nhiều lần thi hỏng (hàn nho). Có những nho sĩ thành đạt trong khoa bảng và quan tước (hiển nho), đó là bộ phận nho sĩ - quan liêu. Lại cũng có những nho sĩ đã từng làm quan, vì nhiều lý do đã treo ấn từ quan về nhà ở ẩn (ẩn nho).”

<sup>1</sup> Câu nói của Phạm Đình Hồ (1768 - 1839), một danh sĩ

---

lỗi lạc Bắc Hà, học vấn uyên bác, được vua Minh Mệnh triều Nguyễn cử giữ chức Tế tửu Quốc Tử Giám.

những ẩn sĩ có cơ hội thể hiện mình trong bầu trời nghệ thuật (启功, 1999 : 3) . Những bức tranh được thêu dệt bằng ngôn từ, những đường nét và màu sắc tái hiện trong bức tranh lại ánh lên chất thơ khiến cho những tác phẩm trân quý đó vừa có màu sắc thanh nhã đậm hơi thở cổ xưa, lại ẩn chứa nội hàm tinh thần sâu sắc, thể hiện được phẩm chất thoát tục thế đời. Ví như tác phẩm trứ danh “Song tùng đồ” (双松图) của họa sĩ Ngô Trán thời nhà Nguyên, tả hai cây tùng đứng giữa trời đất, ngạo nghễ vươn lên, cành cây khô cao ngắt quán lấy nhau, tựa như tinh thần bất khuất, ngay thẳng, đầy tiết tháo, khí khái thanh tao của bậc chính nhân quân tử.

#### 4. Kết luận

Qua phân tích trên đây cho thấy, nghệ thuật Hoa Hạ bắt nguồn từ văn hóa nửa thần của phương Đông cổ đại, trong đó hội họa Trung Hoa cổ kỳ là một trong những nghệ thuật cổ xưa và tinh tế nhất với rất nhiều phong cách và chất liệu khác nhau. Cùng với dòng chảy lịch sử, hội họa tuy trải qua nhiều bước thăng trầm song vẫn duy trì bản sắc đậm đà dấu ấn truyền thống dân tộc Hoa Hạ. Phong cách nghệ thuật cùng tinh thần của hội họa truyền thống hàm ẩn triết lý nhân sinh sâu sắc, vốn luôn được coi trọng và trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống văn hóa tinh thần, tín ngưỡng, tâm linh của người Trung Quốc. Ngày nay, trong sự phát triển không ngừng của xã hội, những tư tưởng thẩm mỹ đương đại ngày một đa dạng và phong phú song việc giữ gìn, phát huy bản sắc độc đáo và nội hàm giá trị nhân

văn của Quốc họa vẫn luôn là trọng trách lớn của nền hội họa Trung Hoa.

Học tập và nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc không thể thiếu kiến thức về ngôn ngữ văn hóa nghệ thuật Trung Hoa cổ điển, mà hội họa truyền thống Trung Hoa là không gian chứa đựng văn hóa cổ hết sức đa dạng và quý giá, đáng để các thế hệ nghiên cứu, học tập và giảng dạy Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc trên thế giới trong đó có Việt Nam dành nhiều tâm sức nghiên cứu, nhằm hiểu sâu hơn về cội nguồn đất nước, con người và văn hóa Trung Hoa.

#### Tài liệu tham khảo

##### Tiếng Việt

- Khải K. Phạm, Trương Cam Khải, Hoài Anh, Nguyễn Thành Tổng biên soạn (2005). *Tổng quan nghệ thuật Đông phương. Hội họa Trung hoa*. Nxb Mỹ thuật.
- Lâm Ngữ Đường (2005). *Hội họa Trung Hoa qua lời các vĩ nhân và danh họa*. Trịnh Lữ dịch. Nxb Mỹ Thuật.

##### Tiếng Trung

- 傅抱石 (2011), 《中国绘画理论》江办教育出版社
- 李士金 (2002), 《民族精神的形象体现——“诗中有画, 画中有诗”的深刻意蕴》江汉论坛, 第3期
- 李冰虹 (2018), 《传统的魅力——中国传统绘画的特点》艺术评鉴, 第13期
- 刘席伯 (2014), 《论中国画人文精神》美与时代·城市版, 第2期
- 刘文萍, 张玲 (2018), 《琴棋书画, 素质教育的有效载体》西部素质教育, 第11期
- 启功 (1999), 《中国古代诗与书、书与画、画与诗之间关系例说》文艺研究, 第3期
- 张毅 (2018), 《“琴棋书画”的文艺思想史意义》中国社会科学报, 第6期
- 伍蠡甫 (1983), 《中国画论研究》北京大学出版社

## ORIGIN AND CULTURAL MEANING OF CHINESE CLASSICAL PAINTING

Nguyen Anh Thuc

*Faculty of Chinese Language and Culture,  
VNU University of Languages and International Studies,  
Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** Chinese classical art is an integral part of the course “An Introduction to Chinese Studies” for fourth-year students of the Faculty of Chinese Language and Culture, University of Languages and International Studies, Vietnam National University, Hanoi. Therefore, in order to provide an overview and better understanding of Chinese history, people and culture in general as well as Chinese art in particular, this paper synthesizes and analyzes the relationship between Chinese classical art through all Chinese dynasties. Accordingly, the great cultural value of Chinese classical art will be highlighted.

*Keywords:* association, origin, art, cultural value, classical